TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 07-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Hường;

2.Ông Trần Quang Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Lưu Đình V sinh ngày 28/9/1996; nơi sinh: Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn U, Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Đình V1 sinh năm 1960 và bà: Phí Thị L sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 44/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*"; bị tạm giam từ ngày 14/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

2.Vũ Đăng T sinh ngày 08/3/1994; nơi sinh: Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đăng D sinh năm 1966 và bà: Bùi Thị H sinh năm

1962; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 79/2013/HSST ngày 08/10/2013 của TAND huyện Thái Thụy, Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; Bản án số 10/2016/HSST ngày 29/02/2016 của TAND huyện Tiền Hải xử phạt 18 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2018, chuyển tạm giam từ ngày 19/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Bị hại: Bà Hòa Thị G sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn VT, xã AD, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lưu Đình V1 sinh năm 1960;
- Bà Phí Thị L sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn U, Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình;

- Bà Bùi Thị H sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, Xã TT, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt ông V1, bà L, bà H; vắng mặt bà G)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/11/2018, Lưu Đình V điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 đến quán cắt tóc VAở xã TT chơi. Tại đây, V gọi điện rủ V Đăng T là bạn bè quen biết nhau từ trước đến cùng chơi. T và V ngồi nói chuyện với nhau một lúc thì cả hai cùng ra ngoài cửa quán. V nói với T "*Dạo này bí quá, ra đường xem có gì không*". T hiểu ý V rủ mình đi cướp giật tài sản của người đi đường nên đã đồng ý. V điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau, đi đến xã TH thì dừng lại dùng chiếc clê 10 -12 tháo biển số cất vào trong cốp xe mục đích để tránh bị phát hiện. Sau đó, V tiếp tục lái xe chở T đi đến ngã tư Gia Lễ, rẽ phải theo Quốc lộ 10 hướng về huyện Quỳnh Phụ. Khi đến ngã tư VH, xã AV thì điều khiển xe rẽ phải vào đường ĐT455 về hướng xã DT. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi V và T đi đến khu vực cánh đồng thuộc Mn QN, xã DT, huyện Quỳnh Phụ thì cả hai nhìn thấy bà Hòa Thị G điều khiển xe mô tô đi ngược chiều, trên vai có đeo một chiếc túi xách giả da màu đen, bên trong có: 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn M; 01 giấy phép lái xe và 01 căn cước công dân đầu mang tên Hòa Thị G; 02 quyển sổ màu đen và số tiền 14.500.000 đồng. T bảo V quay lại để giật túi xách của chị G. V điều khiển xe vòng lại đuổi theo rồi áp sát bên trái xe mô tô của bà G cách xe của bà G khoảng 20cm – 25cm thì T dùng tay phải chộp chiếc túi xách của bà G giật mạnh làm đứt khuy kim loại trên dây đeo của túi xách. V tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng ngã tư Vũ VH, xã AV, huyện Quỳnh Phụ. Bà G đuổi theo và hô hoán. T mở túi xách, thấy

01 quyển sổ màu đen thì vứt xuống đường. Bà G nhìn thấy T vứt quyển sổ xuống đường thì dừng lại nhặt và nói cho ông Nguyễn Thành C đang đứng ở bên đường biết việc mình vừa bị cướp giật tài sản. Ngay lúc đó ông C gọi điện cho bà Nguyễn Thị M ở đoạn đường phía ở đoạn đường phía trước và bảo bà M nhờ người hỗ trợ chặn bắt. Còn T thấy trong túi xách có tiền thì cầm cất vào túi áo khoác đang mặc và làm rơi ra đường 1.000.000 đồng. Khi xe của V và T chạy đến gần nhà bà M thì ông Phạm Văn H1 là chồng của bà M chạy ra đường tri hô mọi người chặn bắt rồi lấy xe máy đuổi theo. Lúc này có một người đàn ông đứng ở mé đường bên phải theo chiều đi của V, cầm gậy tre vụt về phía V. T đứng lên gác để chân phía sau của xe mô tô, đưa hai tay về phía trước đỡ đòn cho V thì bị gậy vụt trúng vào bàn tay phải, rách da chảy máu. Thấy vậy T vứt chiếc túi xách của bà G xuống đường, ông H1 thấy không thể đuổi kịp nên dừng xe quay lại nhặt túi xách và 1.000.000 đồng mang về đưa bà G. Còn V tiếp tục điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Khi đến xã TH, huyện Thái Thụy, V chở T vào bệnh viện TN băng bó vết thương, sau đó chở T về nhà, Số tiền chiếm đoạt được còn lại là 13.500.000 đồng, cả hai chia đôi tiêu xài cá nhân hết. Ngày 10/11/2018, bà Hòa Thị G đến cơ quan Công an trình báo và nộp 02 quyển sổ, túi xách và 1.000.000 đồng là tang vật của vụ cướp giật. Ngày 12/11/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập V đến để làm việc, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 16/11/2018 T đến Cơ quan điều tra đầu thú. Cơ quan điều tra đã quản lý của Lưu Đình V chiếc xe mô tô đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, 01 chiếc clê 10-12 và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen.

Khám xét nơi ở của Lưu Đình V và Vũ Đăng T không phát hiện, thu giữ được tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Kết quả định giá tài sản: 01 chiếc túi xách giả da màu đen có kích thước khoảng 25x16 (cm) trị giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa các bị cáo Lưu Đình V khai: Khoảng 09 giờ ngày 09/11/2018 bị cáo điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter của bố đẻ bị cáo là ông Lưu Đình V1 đến quán cắt tóc VA ở xã TT chơi, tại đây bị cáo có gọi điện rủ V Đăng T đến chơi, sau khi chơi ở quán một lúc thì cả hai ra ngoài cửa quán, bị cáo đã rủ T đi cướp giật tài sản để lấy tiền chi tiêu. Bị cáo điều khiển xe chở T, khi đi đến xã TH, thì dừng lại bị cáo đã dùng clê tháo biển số và cất biển số vào cốp xe để tránh bị phát hiện. Khi bị cáo T phát hiện thấy bà G đi ngược chiều, bị cáo quay lại điều khiển xe song song áp sát bên trái xe của bà G, khi cách xe của bà G khoảng 20cm- 25cm thì T giật chiếc túi xách của bà G, sau khi T giật được chiếc túi xách của bà G thì bị cáo tăng ga bỏ chạy về hướng ngã tư V Hạ, xã An V. Khi đi được khoảng 2km thì có người đàn ông đứng ở bên đường cầm gậy giơ lên vụt các bị cáo, T giơ tay lên đỡ nên đã bị thương, còn bị cáo không bị thương tích gì. Bị cáo có chở T đến bệnh viện Đa khoa TN để điều trị vết thương, còn bị

cáo lắp lại biển số xe. Các bị cáo đã cướp giật của bà G được số tiền 13.500.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 300.000 đồng chữa vết thương cho T và 200.000 đồng tiền đổ xăng + uống nước, số còn lại 13.000.000 đồng các bị cáo chia đôi, bị cáo là người đưa tiền cho T. Số tiền cướp giật được bị cáo đã chi tiên cá nhân hết. Trước, trong và sau khi cướp giật tài sản của bà G các bị cáo không có bất cứ lời nói, hành vi, cử chỉ gì để đe dọa bà G. Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bà G thay bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo V Đăng T khai: Bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo V là đúng. Sau khi được bị cáo V rủ rê đi cướp giật tài sản, bị cáo đồng ý ngay. Bị cáo V là người điều khiển xe, bị cáo ngồi sau, bị cáo là người trực tiếp giật túi xách của bà G. Sau khi giật được chiếc túi xách của bà G đi được một đoạn bị cáo đã vứt quyển sổ của bà G xuống đường, trong lúc lấy tiền bỏ vào túi áo khoác bị cáo đã làm rơi 1.000.000 đồng trong túi xách của bà G xuống đường, đi được khoảng 02km bị cáo gặp người thanh niên đứng ở mé đường giơ gậy đập về phía bị cáo và V, bị cáo ngồi sau giơ tay lên đỡ nên đã bị thương ở tay, được V chở đến bệnh viện TN chữa vết thương, số tiền cướp giật được các bị cáo chia đôi, V là người lấy tiền trong túi áo khoác của bị cáo để đưa cho bị cáo, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thay cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Đình V khai: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 là xe của ông, trong cốp xe có sẵn chiếc clê (phụ tùng đi theo xe), ông không biết bị cáo dùng chiếc xe vào việc cướp giật tài sản, ông đề nghị trả lại chiếc xe và chiếc clê cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phí Thị L và Bùi Thị H đều khai: Sau khi được bị cáo tác động đến gia đình để bồi thường, bà L và bà H mỗi người đã trả cho bà Hòa Thị G số tiền mà mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.750.000 đồng thay cho các bị cáo, đây là số tiền của bị cáo gửi trước đó.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSQP ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lưu Đình V và V Đăng T về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lưu Đình V và Vũ Đăng T về tội "*Cướp giật tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Lưu Đình V và Vũ Đăng T phạm tội "*Cướp giật tài sản*"; Về hình phạt: áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm b và s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 và điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm

Khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo T: xử phạt bị cáo Lưu Đình V từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2018, xử phạt Vũ Đăng T từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 và chiếc clê 10 – 12 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lưu Đình Viễn; trả lại cho bị cáo Lưu Đình V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì; Các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận, thiếu tiền chi tiêu nên các bị cáo đã cùng nhau đi cướp giật tài sản. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 09/11/2018,tại đường ĐT455 thuộc địa phận Thôn QN, xã DT, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Lưu Đình V và V Đăng T sử dụng xe mô tô Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 áp sát bên trái xe mô tô của bà Hòa Thị G đang điều khiển đi cùng chiều khi cách xe của bà G khoảng 20cm – 25cm thì T dùng tay phải chộp chiếc túi xách của bà G, giật mạnh làm đứt khuy kim loại trên dây đeo của túi xách, V tăng ga điều khiển xe bỏ chạy. Số tiền có trong túi xách là 14.500.000 đồng và chiếc túi xách giá trị là 100.000 đồng, tổng số tài sản mà các bị cáo cướp giật của bà Hòa Thị G là 14.600.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Cướp giật tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Điều 173.Tội cướp giật tài sản

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm::

a)Có tổ chức;

……

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm

……".

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố các bị cáo phạm tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày vào thời điểm ít người qua lại trên đường. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu các bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện cướp giật tài sản của người khác, các bị cáo dùng phương tiện xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để tiếp cận bị hại, hành vi mà các bị cáo thực hiện có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi các bị cáo đã gây ra, các bị cáo đã được giáo dục, cải tạo song không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này còn nguy hiểm hơn so với lần phạm tội trước đó, vì vậy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết

để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói C.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội mang tính chất tự phát, không bàn bạc, phân công cụ thể cho từng người nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê, là người dùng phương tiện,là người trực tiếp tháo và lắp biển số xe và còn là người trực tiếp điều khiển phương tiện để cho T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V còn là người trực tiếp cầm và đưa tiền cho bị cáo T. Bị cáo T khi được bị cáo V thì rủ rê hưởng ứng ngay, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, bị cáo V có vai trò cao hơn so với bị cáo T.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và đều tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú nên coi đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều đã bị Tòa án xét xử, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo T: Bản án số 79/2013/HSST ngày 08/10/2013 của Tòa án nhân huyện Thái Thụy xử phạt 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và bản án số 10/2016/HSST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xử phạt 18 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", trong bản án này xử bị cáo về 02 hành vi gồm: trộm cắp 01 chiếc xe mô tô trị giá 12.950.000 đồng và trộm cắp 02 con gà trị giá 380.000 đồng. Đối với hành vi trộm cắp 02 con gà bản án đã nhận định "*Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tiền án này được lấy làm căn cứ khởi tố bị cáo về hành vi trộm cắp gà nên không coi là tình tiết tăng nặng tái phạm; bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng là "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự*". Do bản án số 10/2016/HSST ngày 29/02/2016 không xác định bị cáo tái phạm nên lần phạm tội này bị cáo không được coi là phạm tội thuộc trường hợp "*tái phạm nguy hiểm*" theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 53 và điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những căn cứ nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo V phải cao hơn bị cáo T và như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*", như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hòa Thị G đã được gia đình các bị cáo bồi thường và nhận lại các tài sản đã bị các bị cáo cướp giật, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc túi xách giả da màu đen, 02 quyển sổ màu đen, 01 giấy phép lái xe bà 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hòa Thị G, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn M và số tiền 1.000.000 đồng cơ quan điều tra đã trả lại bà G là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc mô tô Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 và 01 chiếc clê 10 – 12 để trong cốp xe, kết quả xác minh cho thấy đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Lưu Đình V1 – bố đẻ của bị cáo V, ông Viễn không biết các bị cáo dùng xe để đi cướp giật tài sản, ông Viễn không có lỗi nên trả lại ông Viễn; 01 chiếc điện thoại 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của V để gọi điện cho T đến quán VAchơi, đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc điện thoại của bị cáo V Đăng T sau khi phạm tội bị cáo đã vứt đi đâu không rõ, nên cơ quan điều tra không quản lý, thu hồi được.

[11] Do không có căn cứ, cơ sở để xác định người đàn ông có hành vi dùng gậy đánh thương tích vào bàn tay phải của bị cáo V Đăng T. Bị cáo T không yêu cầu đề nghị giám định nên không đặt ra giải quyết.

[12] Đối với chị Nguyễn Thị VA là chủ quán cắt tóc Vân Anh: Do chị VAkhông biết việc các bị cáo cùng nhau đi cướp giật tài sản nên chị VA không là đồng phạm với các bị cáo, cơ quan Điều tra không xử lý chị VA là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Đình Vũ và Vũ Đăng T phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

2.Về hình phạt:

2.1.Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm b và s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 và điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lưu Đình V 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/11/2018.

2.2. Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm b và s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 và điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Đăng T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2018.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên trả lại ông Lưu Đình V1 01 chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, sơn màu xanh - trắng, biển số 17B6-345.27 và 01 chiếc clê 10 – 12;

- Tuyên trả lại bị cáo Lưu Đình V 01 điện thoại di động nhã hiệu Nokia 1280 màu đen.

(*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 25/3/2019*).

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lưu Đình V và Vũ Đăng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- Bị cáo,bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra CA h. Quỳnh Phụ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)

- Chi cục THADS h.Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TT, h.Th, Thái Bình
- TAND tỉnh Thái Bình, Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.